

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

---

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 4**

**Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>461.686.554.662</b>	<b>335.421.656.307</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>7.843.363.220</b>	<b>56.723.924.579</b>
1. Tiền	111		7.843.363.220	43.708.794.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	13.015.129.821
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>13.855.547.784</b>	<b>18.432.781.099</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.855.547.784	18.432.781.099
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>314.698.693.573</b>	<b>180.440.243.569</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.22	36.943.091.279	71.386.041.421
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.001.031.733	7.018.682.870
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.136.000.000	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.23	317.587.777.619	145.004.726.336
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-42.969.207.058	-42.969.207.058
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.2</b>	<b>103.957.158.087</b>	<b>67.120.006.688</b>
1. Hàng tồn kho	141		103.957.158.087	67.120.006.688
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.331.791.998</b>	<b>12.704.700.372</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.29	7.247.697.590	1.595.854.403
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.922.198.646	9.045.670.800
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.161.895.762	2.063.175.169
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>103.424.537.956</b>	<b>99.213.846.864</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>20.140.709.017</b>	<b>9.198.971.542</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.22	20.140.709.017	9.045.471.542
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.23	0	153.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V.3</b>	<b>20.677.746.240</b>	<b>26.250.564.659</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		20.581.131.240	26.135.567.789
- Nguyên giá	222		61.660.097.943	61.482.023.868
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-41.078.966.703	-35.346.456.079
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.27	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.26	96.615.000	114.996.870
- Nguyên giá	228		361.455.000	361.455.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-264.840.000	-246.458.130
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.28</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.336.680.713</b>	<b>3.336.680.713</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.336.680.713	3.336.680.713
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>58.795.483.433</b>	<b>58.795.483.433</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		62.954.570.000	62.954.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-4.159.086.567	-4.159.086.567
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>473.918.553</b>	<b>1.632.146.517</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.29	473.918.553	1.632.146.517
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>565.111.092.618</b>	<b>434.635.503.171</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>301.915.499.661</b>	<b>176.998.989.759</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>159.033.905.857</b>	<b>158.380.906.934</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.31	64.974.630.446	52.889.464.182

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.485.265.898	58.755.897.091
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		4.284.170.702	4.437.758.306
4. Phải trả người lao động	314		3.221.679.439	2.163.698.632
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		15.958.188.188	16.644.624.350
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.7	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.6	1.701.145.268	330.870.882
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.30	52.335.574.604	22.085.342.179
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.073.251.312	1.073.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>142.881.593.804</b>	<b>18.618.082.825</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.31	6.934.189.003	11.144.082.825
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		135.947.404.801	7.474.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>263.195.592.957</b>	<b>257.636.513.412</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>263.195.592.957</b>	<b>257.636.513.412</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.525.000.000	254.525.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.525.000.000	254.525.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-441.950.000	-441.950.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.112.542.957	3.553.463.412
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.553.463.412	3.553.463.412
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.559.079.545	0
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>565.111.092.618</b>	<b>434.635.503.171</b>

Ngày 24 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Tổng giám đốc

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
CMH VIỆT NAM  
Q. BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Kim Ngọc Nhân

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý IV Năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	69.216.337.251	48.255.001.859	201.911.179.536	97.312.008.435
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	69.216.337.251	48.255.001.859	201.911.179.536	97.312.008.435
4. Giá vốn hàng bán	11	66.493.346.127	45.578.584.196	187.787.384.619	87.906.379.031
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>2.722.991.124</b>	<b>2.676.417.663</b>	<b>14.123.794.917</b>	<b>9.405.629.404</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	320.866.654	613.971.248	1.054.552.530	4.806.238.907
7. Chi phí tài chính	22	699.331.702	382.586.557	2.469.960.527	2.560.555.298
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	676.835.421	0	2.211.452.071	0
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.773.130.194	2.484.204.247	11.604.818.087	11.297.377.663
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)</b>	<b>30</b>	<b>-428.604.118</b>	<b>423.598.107</b>	<b>1.103.568.833</b>	<b>327.635.350</b>
10. Thu nhập khác	31	1.942.867.446	1.403.025.286	7.412.248.943	5.023.549.454
11. Chi phí khác	32	442.590.962	56.634.124	1.050.661.271	745.121.657
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	1.500.276.484	1.346.391.162	6.361.587.672	4.278.427.797
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>1.071.672.366</b>	<b>1.769.989.269</b>	<b>7.465.156.505</b>	<b>4.632.363.147</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	290.879.709	462.552.780	1.906.076.960	1.301.749.094
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>	<b>780.792.657</b>	<b>1.307.436.489</b>	<b>5.559.079.545</b>	<b>3.330.614.053</b>

Ngày 24 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Tổng giám đốc



Kim Ngọc Nhân

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	190.988.955.806	221.078.731.151
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-197.312.252.140	-150.688.388.142
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-18.116.055.449	-13.081.441.316
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-2.211.452.071	-1.509.736.633
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-2.408.486.731	-2.594.716.600
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	44.029.527.618	10.713.897.756
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-92.357.082.478	-49.904.649.620
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>-77.386.845.445</b>	<b>14.013.696.596</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-50.830.624.613	-101.999.051.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	67.594.355.944	145.396.404.258
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>16.763.731.331</b>	<b>43.397.353.258</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	75.714.361.820	28.679.114.879
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-50.956.679.244	-42.413.273.655
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm trước
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>24.757.682.576</b>	<b>-13.734.158.776</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>-35.865.431.538</b>	<b>43.676.891.078</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>43.708.794.758</b>	<b>31.903.680</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>7.843.363.220</b>	<b>43.708.794.758</b>

Ngày 24 tháng 01 năm 2025

**Người lập biểu**

Đinh Thị Thủy

**Kế toán trưởng**

Đinh Thị Thủy

**Tổng giám đốc**

Kim Ngọc Nhân



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc Công ty**

*Các Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 127 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 104) nhân viên).

**H. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

---

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ: tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

##### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

---

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ - Giá vốn kết chuyển trong kỳ, trong đó

$$\text{Giá vốn kết chuyển trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Doanh thu trong kỳ}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Chi phí trả trước khác*

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thành lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình mua mới như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4 - 8

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

---

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

Đối với tài sản đã qua sử dụng, thời gian khấu hao được tính theo thời gian hữu dụng còn lại ước tính.

**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

***Nhãn hiệu, tên thương mại***

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

**11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**12. Vốn chủ sở hữu*****Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

---

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

---

#### 15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện; doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy; Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn; Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

#### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động của Công ty chủ yếu là xây lắp công trình trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.474.394	1.790.225
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.837.888.826	43.707.004.533
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	13.015.129.821
<b>Cộng</b>	<b><u>7.843.363.220</u></b>	<b><u>56.723.924.579</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống tại các Ngân hàng.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở Giao dịch 3	570.000.000	5.162.714.434
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh An	13.285.547.784	13.270.066.665
<b>Cộng</b>	<b><u>13.855.547.784</u></b>	<b><u>18.432.781.099</u></b>

**2b. Đầu tư vào công ty con**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại <sup>(i)</sup>	21.030.000.000	(4.159.086.567)	21.030.000.000	(4.159.086.567)
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường <sup>(ii)</sup>	41.924.570.000	-	41.924.570.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>62.954.570.000</u></b>	<b><u>(4.159.086.567)</u></b>	<b><u>62.954.570.000</u></b>	<b><u>(4.159.086.567)</u></b>

<sup>(i)</sup> Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam số 32/2022/NQ-HĐQT-CMH ngày 08 tháng 9 năm 2022 thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại do mục đích hoạt động không còn phù hợp và để tái cơ cấu các khoản đầu tư. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội – Phòng Đăng ký kinh doanh đã có thông báo về việc Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại đang làm thủ tục giải thể. Đến ngày 30/6/2024, việc giải thể Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại vẫn chưa xong.

<sup>(ii)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 ngày 02 tháng 10 năm 2014, thay đổi lần thứ 04 ngày 19 tháng 6 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp, Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 3.421.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường, chiếm 68,44% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

**Giá trị hợp lý**

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường không có giao dịch trong cả năm 2024, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại chưa niêm yết.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư không có giá giao dịch trên thị trường chứng khoán.

**Tình hình hoạt động của các công ty con**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Tình hình hoạt động**

Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại      Đang làm thủ tục giải thể  
 Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường              Thu hẹp quy mô hoạt động

**Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con**

Trong kỳ không phát sinh biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con.

**Giao dịch với các công ty con**

Công ty phát sinh giao dịch với Công ty cổ phần Xây lắp môi trường là 1.036.400.000 đồng

**Kế hoạch đầu tư**

Theo Hợp đồng khung về hợp tác đầu tư số 19/2022/HĐK/CMH-THPT ngày 04/4/2022 giữa Bên A (là các cổ đông của bên B), Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên B) và Công ty (Bên C), Bên B và Bên C sẽ cùng thành lập một Công ty TNHH hai thành viên (“Công ty nhận chuyển nhượng dự án”) để Công ty này nhận chuyển nhượng và thực hiện Dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (“Dự án”), với tỷ lệ vốn góp của Bên B là 49% và Bên C là 51%. Dự án (đang do Bên B là chủ đầu tư) sẽ được chuyển nhượng cho Công ty nhận chuyển nhượng trong vòng 90 ngày sau khi Dự án đáp ứng đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật. Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, việc chuyển nhượng dự án vẫn chưa được thực hiện.

**3. Phải thu của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (*)	-	39.659.499.509
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	8.219.169.047	8.219.169.047
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (XN Sông Đà 10.2)	-	15.097.073.901
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	6.649.125.023	4.210.345.481
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8	2.334.348.000	-
Các khách hàng khác	5.301.876.483	4.199.953.483
<b>Cộng</b>	<b><u>36.943.091.279</u></b>	<b><u>71.386.041.421</u></b>

**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ(*)	3.845.949.951	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	9.261.431.229	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (XN Sông Đà 10.2)	5.598.159.028	-
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8	-	3.328.464.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	2.438.779.542
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	1.435.168.809	1.571.609.000
BQLDA Đầu tư Xây dựng Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	-	1.668.265.000
Các khách hàng khác	-	38.354.000
<b>Cộng</b>	<b><u>20.140.709.017</u></b>	<b><u>9.045.471.542</u></b>

(\*) Khoản phải thu theo Hợp đồng tổng thầu EPC số 1102-1/2022/HĐT ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Theo Hợp đồng này, Công ty nhận thực hiện Tổng thầu EPC: Thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án Khu nhà ở đô thị và tổ hợp văn hóa thể thao tại thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Là khoản cho vay Ông Nguyễn Bá Trọng (nhân viên Công ty) theo Hợp đồng cho vay ngày 28/6/2024, thời hạn của khoản vay đến ngày 31/12/2024, lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	13.804.400.842	-	<b>19.112.988.040</b>	-
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	1.698.646	-	1.698.646	-
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	6.000.000	-	6.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	5.666.000	-	5.666.000	-
Tạm ứng của Bên liên quan	13.791.036.196	-	19.099.623.394	-
Ông Phạm Minh Phúc	-	-	417.690.702	-
Ông Kim Ngọc Nhân	-	-	65.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Tú	1.806.195.678	-	1.761.574.458	-
Ông Trần Văn Trung	1.013.770.000	-	1.563.770.000	-
Ông Nguyễn Văn Phi	3.600.083.942	-	4.769.083.942	-
Bà Đinh Thị Thuý	7.370.986.576	-	10.522.504.292	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>303.783.376.777</b>	<b>(39.850.706.013)</b>	<b>125.891.738.296</b>	<b>(39.850.706.013)</b>
Dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	492.016.439	-	1.910.536.324	-
Tạm ứng của nhân viên	2.738.632.743	-	4.634.263.033	-
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ <sup>(*)</sup>	258.901.988.649	-	75.106.900.239	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	-	-	1.009.279.730	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện Lực và Tài nguyên	21.540.049.741	(21.540.049.741)	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Khai Thác Mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	(5.700.000.000)	5.700.000.000	(5.700.000.000)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272	(12.610.656.272)	12.610.656.272	(12.610.656.272)
Ông Dương Ngọc Trường	1.292.500.000	-	1.292.500.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	-	-	1.604.183.530	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	507.532.933	-	483.369.427	-
<b>Cộng</b>	<b>317.587.777.619</b>	<b>(39.850.706.013)</b>	<b>145.004.726.336</b>	<b>(39.850.706.013)</b>

<sup>(\*)</sup> Theo Hợp đồng khung về hợp tác đầu tư số 19/2022/HDK/CMH-THPT ngày 04/4/2022 và Phụ lục hợp đồng, Công ty sẽ “Đặt cọc” để bảo đảm cho việc giao kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch liên quan đến dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (“Cẩm Khê Central Park”). Trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi ích khác tương ứng với 7%/năm tính trên số tiền đặt cọc và được tính hằng năm. Tiền đặt cọc có thể được thỏa thuận đổi trừ nghĩa vụ thanh toán giữa các bên, hoặc được hoàn trả lại theo thỏa thuận.

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký cược ký quỹ dài hạn

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Các khoản dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi sau đây đều có giá gốc bằng giá trị dự phòng:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	(21.540.049.741)	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	(2.267.704.120)	(2.267.704.120)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	(704.446.925)	(704.446.925)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	(12.610.656.272)	(12.610.656.272)
Các khách hàng khác	(146.350.000)	(146.350.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>(42.969.207.058)</u></b>	<b><u>(42.969.207.058)</u></b>

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.576.851.660	-	4.406.038.432	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	101.380.306.427	-	62.713.968.256	-
<b>Cộng</b>	<b><u>103.957.158.087</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>67.120.006.688</u></b>	<b><u>-</u></b>

Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo các công trình, dự án như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Cẩm Khê Central Park <sup>(*)</sup>	100.491.965.761	59.978.473.897
Dự án hầm Sơn Triệu	684.882.736	887.411.358
Dự án hầm E'a Trang	203.457.930	58.748.460
Dự án khác	-	1.789.334.541
<b>Cộng</b>	<b><u>101.380.306.427</u></b>	<b><u>62.713.968.256</u></b>

<sup>(\*)</sup> Là dự án mà Công ty làm tổng thầu theo Hợp đồng tổng thầu EPC số 1102-1/2022/HĐTT ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Giá trị hợp đồng tạm tính là 1.026,362 tỷ VND. Tiến độ dự kiến là 60 tháng kể từ ngày bàn giao mặt bằng và hồ sơ pháp lý đầy đủ để triển khai dự án. Ngày hoàn thành dự kiến theo hợp đồng là Quý 4 năm 2026

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	45.344.957.658	15.555.930.999	581.135.211	61.482.023.868
Mua trong kỳ	178.074.075	-	-	178.074.075
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>45.523.031.733</u></b>	<b><u>15.555.930.999</u></b>	<b><u>581.135.211</u></b>	<b><u>61.660.097.943</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	25.734.568.544	9.080.406.805	531.480.730	35.346.456.079
Khấu hao trong kỳ	4.905.685.018	807.000.000	19.825.606	5.732.510.624
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>30.640.253.562</u></b>	<b><u>9.887.406.805</u></b>	<b><u>551.306.336</u></b>	<b><u>41.078.966.703</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	19.610.389.114	6.475.524.194	49.654.481	26.135.567.789
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>14.882.778.171</u></b>	<b><u>5.668.524.194</u></b>	<b><u>29.828.875</u></b>	<b><u>23.430.890.719</u></b>

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Website</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	209.455.000	38.000.000	114.000.000	361.455.000
Mua trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>209.455.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>72.000.000</u></b>	<b><u>361.455.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	<b>Nhãn hiệu, tên thương mại</b>	<b>Chương trình phần mềm máy tính</b>	<b>Website</b>	<b>Cộng</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	209.455.000	-	38.000.000	247.455.000
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	206.673.140	-	39.784.990	246.458.130
Khấu hao trong năm	14.981.874	-	3.399.996	18.381.870
<b>Số cuối năm</b>	<b>221.655.014</b>	<b>-</b>	<b>43.184.986</b>	<b>264.840.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	82.781.860	-	32.215.010	114.996.870
<b>Số cuối năm</b>	<b>67.799.986</b>	<b>-</b>	<b>28.815.014</b>	<b>96.615.000</b>

**10. Phải trả người bán****10a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>40.717.004.087</b>	<b>40.125.692.087</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	32.536.863.329	31.945.551.329
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.593.435.048	2.593.435.048
Công ty TNHH CM Xây dựng	5.586.705.710	5.586.705.710
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>24.257.626.359</b>	<b>12.763.772.095</b>
<b>Cộng</b>	<b>64.974.630.446</b>	<b>52.889.464.182</b>

**10b. Phải trả người bán dài hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Hòa Hiệp	-	1.588.606.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	1.722.356.850	1.722.356.850
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10	1.905.828.450	1.799.562.479
Các nhà cung cấp khác	3.306.003.703	6.033.557.496
<b>Cộng</b>	<b>6.934.189.003</b>	<b>11.144.082.825</b>

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ban Quản lý dự án 85	-	57.788.210.900
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	9.352.442.998	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (XN Sông Đà 10.2)	6.132.822.900	-
Các khách hàng khác	-	967.686.191
<b>Cộng</b>	<b>15.485.265.898</b>	<b>58.755.897.091</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số đầu năm</b>		<b>Số phát sinh trong kỳ</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	
	<b>Phải nộp</b>	<b>Phải thu</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>Phải nộp</b>	<b>Phải thu</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa <sup>(*)</sup>	-	2.063.175.169	-	1.098.720.593	-	3.161.895.762
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.413.975.228	-	1.906.076.960	2.408.486.731	2.911.565.457	-
Thuế thu nhập cá nhân	913.183.526	-	793.029.968	695.652.459	1.010.561.035	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế tài nguyên	-	-	51.400.398	51.400.398	-	-
Phí bảo vệ môi trường	-	-	9.458.400	9.458.400	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	110.599.552	-	612.333.047	360.888.389	362.044.210	-
<b>Cộng</b>	<b>4.437.758.306</b>	<b>2.063.175.169</b>	<b>3.375.298.773</b>	<b>4.627.606.970</b>	<b>4.284.170.702</b>	<b>3.161.895.762</b>

(\*) Toàn bộ số thuế đã nộp trong năm là thuế vãng lai nộp tại địa phương nơi có công trình xây dựng. Thuế giá trị gia tăng hoạt động xây dựng thực hiện tại các tỉnh khác với trụ sở chính phải nộp theo tỷ lệ 1% trên doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng. Số thuế giá trị gia tăng đã nộp tại địa phương nơi có công trình xây dựng sẽ được bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp tại trụ sở chính

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.465.156.505	4.632.363.147
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.065.228.296	1.876.382.321
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.424.247.420	2.712.540.651
<i>Lãi phạt chậm nộp thuế, BHXH, các khoản phạt</i>	<i>646.361.561</i>	<i>310.321.607</i>
<i>Thu lao HDQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>234.000.000</i>	<i>234.000.000</i>
<i>Khấu hao TSCĐ xe ô tô trên 1,6 tỷ</i>	<i>647.000.000</i>	<i>668.250.000</i>
<i>Lỗ CLTG do đánh giá lại khoản mục tiền kỳ này</i>	-	<i>1.357.520</i>
<i>Lãi CLTG do đánh giá lại khoản mục tiền và phải thu kỳ trước</i>	-	<i>316.050.285</i>
<i>Hoàn nhập lãi dự thu tiền gửi năm trước</i>	<i>836.158.330</i>	<i>996.464.568</i>
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ khác</i>	<i>60.727.529</i>	<i>186.096.671</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	359.019.124	836.158.330
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cuối kỳ</i>	<i>359.019.124</i>	<i>836.158.330</i>
Thu nhập chịu thuế	9.530.384.801	6.508.745.468
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	9.530.384.801	6.508.745.468
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.906.076.960</b>	<b>1.301.749.094</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính quý 4 năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	51.346.187	25.374.715
Trích trước chi phí công trình	15.906.842.001	16.619.249.635
<b>Cộng</b>	<b><u>15.958.188.188</u></b>	<b><u>16.644.624.350</u></b>

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	220.098.680	70.821.340
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	407.942.917	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.073.103.671	260.049.542
<b>Cộng</b>	<b><u>1.701.145.268</u></b>	<b><u>330.870.882</u></b>

**15. Vay****15a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b><u>8.698.471.321</u></b>	<b><u>8.698.471.321</u></b>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.074.471.321	2.074.471.321
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	6.624.000.000	6.624.000.000
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b><u>37.051.103.283</u></b>	<b><u>9.441.270.858</u></b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An <sup>(i)</sup>	37.051.103.283	9.441.270.858
<b>Vay ngắn hạn các cá nhân</b>	<b><u>3.600.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>
Ông Nguyễn Đức Quang	3.600.000.000	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.17b)</b>	<b><u>2.986.000.000</u></b>	<b><u>3.945.600.000</u></b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	102.800.000	1.233.600.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	2.884.000.000	2.712.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>52.335.574.604</u></b>	<b><u>22.085.342.179</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- <sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay từng lần để thanh toán chi phí hợp lý phục vụ thi công gói thầu số 11-XL “Thi công xây dựng Đoạn KM 0+200- KM19+800” thuộc Dự án “Xây dựng Công trình Đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025” và gói thầu số XL2 “Thi công xây dựng đoạn Km43+000-Km54+500 (bao gồm khảo sát thiết kế bản vẽ thi công)” thuộc Dự án “Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Mê Thuật giai đoạn I”, hạn mức cho vay không vượt 40 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ không quá 6 tháng.

- <sup>(ii)</sup> Khoản vay các cá nhân theo hợp đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay đến 31/12/2024, lãi suất là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn bên liên quan</u>	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay ngắn hạn cá nhân</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	8.698.471.321	9.441.270.858	-	3.945.600.000	22.085.342.179

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Vay ngắn hạn bên liên quan	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	57.369.911.671	22.295.000.000	-	79.664.911.671
Số kết chuyển	-	-	-	1.542.000.000	1.542.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	29.760.079.246	18.695.000.000	2.501.600.000	50.956.679.246
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.698.471.321</b>	<b>37.051.103.283</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>2.986.000.000</b>	<b>52.335.574.604</b>

**15b. Vay dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 <sup>(i)</sup>	-	102.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An <sup>(ii)</sup>	135.947.404.801	7.372.000.000
<b>Cộng</b>	<b>135.947.404.801</b>	<b>7.474.000.000</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng ngày 28/01/2022 để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô với lãi suất thả nổi, thời hạn 36 tháng kể từ ngày vay, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư ngày 29/08/2022 và ngày 14/6/2023 để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày vay; Hợp đồng cho vay dự án đầu tư ngày 08/2024-HĐCVDADT/NHCT320-CMH-CCP ngày 04/09/2024 để thanh toán tiền sử dụng đất của Dự án đầu tư xây dựng Dự án Khu nhà ở và tổ hợp văn hóa thể thao tại thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Cẩm Khê Central Park – Giai đoạn I). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Ngoài ra, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Ngân hàng này còn được đảm bảo bằng 5,5 triệu cổ phiếu CMS thuộc sở hữu của ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.986.000.000	3.945.600.000
Trên 1 năm đến 5 năm	135.947.404.801	7.474.000.000
<b>Cộng</b>	<b>138.933.404.801</b>	<b>11.419.600.000</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.474.000.000	3.535.600.000
Số tiền vay phát sinh	130.015.404.801	10.560.000.000
Số kết chuyển	(1.542.000.000)	(6.621.600.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>135.947.404.801</b>	<b>7.474.000.000</b>

**16. Vốn chủ sở hữu****16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	254.525.000.000	(441.950.000)	1.923.448.379	256.006.498.379
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	1.630.015.033	1.630.015.033

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư cuối kỳ trước	<b>254.525.000.000</b>	<b>(441.950.000)</b>	<b>3.553.463.412</b>	<b>257.636.513.412</b>
Số dư đầu năm nay	254.525.000.000	(441.950.000)	3.553.463.412	257.636.513.412
Lợi nhuận trong kỳ		-	5.559.079.545	5.559.079.545
Số dư cuối kỳ này	<b>254.525.000.000</b>	<b>(441.950.000)</b>	<b>9.112.542.957</b>	<b>263.195.592.957</b>

**16b. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.452.500	25.452.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	25.452.500	25.452.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.452.500	25.452.500

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ****17a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	224,85	267,66
Euro (EUR)	0,18	619.801,00
Kíp Lào (LAK)	533.721,80	1.193.721,80
Baht Thái Lan (THB)	2.543,31	2.783,31

**17b. Nợ đã xóa sổ**

Nợ đã xóa sổ bao gồm các khoản nợ phải thu, phải trả liên quan đến chủ đầu tư và nhà thầu phụ công trình dự án Thủy điện Sông Bạc, phát sinh từ lâu ngày, đến nay không thực hiện được thủ tục đối chiếu, thanh toán. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	13.927.265.023	13.927.265.023
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Phoenix	264.820.000	264.820.000
<b>Cộng</b>	<b>14.192.085.023</b>	<b>14.192.085.023</b>
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Bàn Việt	1.321.590.557	1.321.590.557
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	1.120.314.660	1.120.314.660
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	316.088.850	316.088.850
<b>Cộng</b>	<b>8.796.820.019</b>	<b>8.796.820.019</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	756.469.100	2.504.163.259	2.306.779.329	5.035.271.252
Doanh thu hợp đồng xây dựng	68.459.868.151	45.750.838.600	199.604.400.207	92.276.737.183
<b>Cộng</b>	<b>69.216.337.251</b>	<b>48.255.001.859</b>	<b>201.911.179.536</b>	<b>97.312.008.435</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Giá vốn hàng bán****2a. Tổng giá vốn**

	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	768.366.987	2.308.013.594	2.603.426.315	4.851.870.657
Giá vốn hợp đồng xây dựng	65.724.979.140	43.270.570.602	185.183.958.304	83.054.508.374
<b>Cộng</b>	<b>66.493.346.127</b>	<b>45.578.584.196</b>	<b>187.787.384.619</b>	<b>87.906.379.031</b>

**2b. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty phát sinh chi phí thuê thiết bị của Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường lũy kế đến cuối kỳ này năm nay là 1.036.400.000 đồng, năm trước là 380.000.000 đồng

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	119.822.843	613.971.248	851.536.116	2.977.080.907
Lãi bán hàng chậm trả, chiết khấu thành toán	70.019.099	-	70.019.099	629.158.000
Lãi tiền cho vay	131.024.712	-	132.997.315	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	-	-	1.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>320.866.654</b>	<b>613.971.248</b>	<b>1.054.552.530</b>	<b>4.806.238.907</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	699.331.702	382.586.557	2.469.960.527	2.560.555.298
<b>Cộng</b>	<b>699.331.702</b>	<b>382.586.557</b>	<b>2.469.960.527</b>	<b>2.560.555.298</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.598.360.180	1.421.228.519	6.252.058.832	5.260.186.166
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	41.391.445	324.245.479	622.583.854	1.147.638.010
Chi phí khấu hao tài sản cố định	206.973.069	214.409.444	834.874.146	932.433.764
Thuế, phí, lệ phí	-	240.406.787	3.000.000	243.406.787

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	917.405.500	245.241.018	3.892.301.255	3.244.599.069
Các chi phí khác	9.000.000	38.673.000	-	469.113.867
<b>Cộng</b>	<b>2.773.130.194</b>	<b>2.484.204.247</b>	<b>11.604.818.087</b>	<b>11.297.377.663</b>

**6. Thu nhập khác**

	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	-	-	-	-
Thu nhập từ tiền đặt cọc	1.942.867.446	1.403.025.286	7.412.248.943	5.023.549.454
Thu từ bảo hiểm bồi thường	-	-	-	-
Thu nhập khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.942.867.446</b>	<b>1.403.025.286</b>	<b>7.412.248.943</b>	<b>5.023.549.454</b>

**7. Chi phí khác**

	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá trị của vật tư, công cụ dụng cụ thanh lý	-	-	-	250.700.333
Các khoản tiền chậm nộp, phạt thuế	219.123.919	6.634.044	649.955.941	310.007.027
Chi phí khác	223.467.043	50.000.080	400.705.330	184.414.297
<b>Cộng</b>	<b>442.590.962</b>	<b>56.634.124</b>	<b>1.050.661.271</b>	<b>745.121.657</b>

**8. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.882.572.852	20.540.051.926	106.909.257.411	41.782.629.657
Chi phí nhân công	6.064.105.519	5.004.175.077	22.745.459.315	12.515.310.503
Chi phí máy thi công	6.612.926.449	3.841.631.703	17.298.937.504	7.353.226.507
Chi phí khác bằng tiền	1.729.972.333	2.131.644.383	8.381.504.598	7.386.239.187
Chi phí thuê thầu phụ	18.275.677.801	33.506.785.156	224.028.160.045	108.729.558.719
<b>Cộng</b>	<b>67.565.254.954</b>	<b>65.024.288.245</b>	<b>379.363.318.873</b>	<b>177.766.964.573</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	1.579.368.090	1.860.959.700
Tạm ứng cho ông Phạm Minh Phúc	-	417.690.702
Tạm ứng cho ông Kim Ngọc Nhân	-	65.000.000
Tạm ứng cho ông Trần Văn Trung	-	1.555.000.000
Tạm ứng cho ông Nguyễn Văn Phi	-	6.733.000.000
Tạm ứng cho Bà Đinh Thị Thủy	7.370.986.000	9.576.824.000
Vay ông Nguyễn Đức Hường	-	11.000.000.000

*Cam kết bảo lãnh*

Ông Phạm Minh Phúc – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty dùng 5,5 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (mã CMS) thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

<b>Kỳ này</b>		<b>Tiền lương    Thù lao    Cộng thu nhập</b>		
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ thành viên Ban KTNB	661.950.000	180.000.000	841.950.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	722.905.000	18.000.000	740.905.000
Ông Trần Văn Trung	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	402.470.000	-	402.470.000
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	9.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	9.000.000
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	626.700.000	-	626.700.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	623.600.000	-	623.600.000
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	644.700.000	-	644.700.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Cộng</b>		<b>3.682.325.000</b>	<b>252.000.000</b>	<b>3.907.325.000</b>
<b>Kỳ trước</b>				
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ thành viên Ban KTNB	616.000.000	180.000.000	796.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	667.000.000	18.000.000	685.000.000
Ông Nguyễn Đức Hương	Thành viên HĐQT	119.200.000	18.000.000	137.200.000
Ông Trần Văn Trung	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	384.000.000	-	192.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Đinh Thị Thùy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	510.800.000	-	510.800.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	497.600.000	-	497.600.000
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	618.800.000	-	618.800.000
<b>Cộng</b>		<b>3.413.400.000</b>	<b>252.000.000</b>	<b>3.473.400.000</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Công ty con
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Lomore Nha Trang	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Lomore Phan Thiết	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty phát sinh giao dịch thuê thiết bị với Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường trong kỳ này là 1.036.400.000 đồng và kỳ trước là 380.000.000 đồng.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5a và V.10a.

**2. Đối tác quan trọng**

Đối tác quan trọng của Công ty là Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Thông tin về các Hợp đồng đã ký kết với đối tác quan trọng được trình bày tại các thuyết minh số V.2b, V.3, V.5a và V.7.

*Giao dịch với đối tác quan trọng*

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch với đối tác quan trọng như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu Hợp đồng tổng thầu EPC	-	16.442.877.019
Lợi ích từ tiền đặt cọc	6.721.183.609	7.223.557.990
Chuyển tiền đặt cọc	176.901.404.801	6.770.000.000

*Công nợ với đối tác quan trọng*

Công nợ với đối tác quan trọng được trình bày tại các thuyết minh số V.3; V.5a.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Intracom 2, Số 33 Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

**3. Số liệu so sánh**

Căn cứ kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam thời kỳ năm 2022 đến năm 2023 theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 19/6/2024, Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 37473/QĐ-CTHN-TTKT10-XPVPHC ngày 24/6/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

Theo đó, Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 liên quan đến nghĩa vụ thuế như sau:

- Điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ, số tiền 1.925.953.106 VND;
- Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu, số tiền 1.241.929.892 VND;
- Điều chỉnh tăng thuế thu nhập cá nhân bị truy thu, số tiền 359.970.629 VND
- Điều chỉnh tăng khoản chậm nộp tiền thuế vào Ngân sách nhà nước, số tiền 110.599.552 VND.

*Ảnh hưởng của việc trình bày lại đến số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán như sau:*

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>335.743.425.883</b>	<b>(321.769.576)</b>	<b>335.421.656.307</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	10.971.623.906	(1.925.953.106)	9.045.670.800
Phải thu ngắn hạn khác	136	143.400.542.806	1.604.183.530	145.004.726.336
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>270</b>	<b>434.957.272.747</b>	<b>(321.769.576)</b>	<b>434.635.503.171</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	<b>175.646.460.315</b>	<b>1.352.529.444</b>	<b>176.998.989.759</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>300</b>	<b>157.028.377.490</b>	<b>1.352.529.444</b>	<b>158.380.906.934</b>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.725.258.233	1.712.500.073	4.437.758.306
Phải trả ngắn hạn khác	319	690.841.511	(359.970.629)	330.870.882
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>259.310.812.432</b>	<b>(1.674.299.020)</b>	<b>257.636.513.412</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.227.762.432	(1.674.299.020)	3.553.463.412
<b>Tổng Nguồn vốn</b>	<b>440</b>	<b>434.957.272.747</b>	<b>(321.769.576)</b>	<b>434.635.503.171</b>

**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính quý 4 của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân